

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-PT

Ngày 11- 8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung và chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Văn Sinh

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hà và bà Đinh Thị Như Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Biền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Mỹ Hiền** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLPT - HNGĐ ngày 27 tháng 05 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản chung”

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21/4/2022 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **22/2022/QĐ-PT** ngày **27/7/2022** giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991; Địa chỉ: Tổ dân phố 02, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

* *Bị đơn:* Anh Lê Minh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn I, xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (Có mặt.)

* Người kháng cáo: bị đơn anh Lê Minh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1.1 Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Minh T có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 07/01/2015 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống, anh chị xảy ra bất đồng, mâu thuẫn, vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, anh T sống không quan tâm đến vợ con, vì vợ chồng không còn tình cảm nữa nên, chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2021 đến nay. Anh T sống tại nhà của vợ chồng, còn chị đưa con về sống tại nhà bố mẹ chị, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

-Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên Lê Hải Tú L, sinh ngày 17/12/2015, hiện đang sống cùng chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu L cho chị nuôi dưỡng. Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2021 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

-Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh T có tài sản chung là 01 thửa đất số Lô 04 – Khu B, tờ bản đồ số 00, diện tích: 130 m², địa chỉ tại Thôn I, xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc đất là do chị và anh T tự tạo lập nên, anh T đứng tên vay ngân hàng Thương mại và cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Gia Lai, phòng giao dịch huyện Đ tín chấp trừ lương số tiền 120.000.000đ vào năm 2017 và 40.000.000đ tiền bán vàng quà cưới của vợ chồng để mua đất. Khi mua đất, vì muốn sau này vợ chồng xin được cấp đất tiếp, nên anh chị đã thỏa thuận nhờ bố mẹ anh T là ông Lê khắc Dũng và bà Nguyễn Thị Kính đứng tên dùm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến 30/3/2021 thì làm thủ tục tặng cho sang tên lại cho vợ chồng chị.

Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà xây cấp 4 do vợ chồng xây dựng năm 2018, 01 giếng khoan.

Chị H nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tài sản tại chỗ và kết quả định giá tài sản ngày 25/01/2022, đề nghị được nhận thửa đất, căn nhà, tài sản được thẩm định, định giá để có nơi ở chăm sóc nuôi con, chịu trách nhiệm thanh toán lại cho anh T ½ giá trị tài sản được thẩm định, định giá.

-Về nợ chung: Không có.

1.2 Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Minh T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 07/01/2015 như chị H trình bày.

Trong cuộc sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng, không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm với nhau nữa nên chúng tôi đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2021 đến nay. Anh sống tại nhà của vợ chồng, còn chị H đưa con về sống tại nhà bố mẹ của chị H, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí.

-Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung Lê Hải Tú L, sinh ngày 17/12/2015, hiện đang sống cùng chị H. Anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án giải quyết xong vụ án.

-Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung là 01 thửa đất số Lô 04 – Khu B, tờ bản đồ số 00, diện tích: 130 m², địa chỉ tại Thôn I, xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Nguồn gốc đất là do anh nhờ bố mẹ anh mua, tiền là do anh vay tín chấp trừ lương của ngân hàng Thương mại và cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Gia Lai, phòng giao dịch huyện Đ số tiền 120.000.000đ vào năm 2017 và 40.000.000đ tiền bán vàng quà cưới của vợ chồng.

Tài sản trên đất gồm có 01 căn nhà xây cấp 4 do vợ chồng xây dựng năm 2018, 01 giếng khoan.

Anh T nhất trí với kết quả xem xét thẩm định và kết quả định giá tài sản ngày 25/01/2022. Đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh sở hữu, sử dụng thửa đất, căn nhà và các tài sản khác trên đất để anh nuôi con, phụng dưỡng bố mẹ, anh chịu trách nhiệm thanh toán cho chị H $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung.

-Về nợ chung: Không có.

2. Quyết định của tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai quyết định:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 246, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 213, 219, 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các Điều 33, 55, 59, 62, 63, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Minh T. Quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Minh T có hiệu lực pháp luật ngay sau khi bản án được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

- Giao cháu Lê Hải Tú L, sinh ngày 17/12/2015 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Buộc anh Lê Minh T cấp dưỡng nuôi cháu Lê Hải Tú L với mức 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Chị H, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H sử dụng thửa đất số Lô 04 – Khu B, tờ bản đồ số 00, diện tích: 130 m², địa chỉ tại Thôn I, xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và sở hữu tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà xây cấp 4 có 01 phòng khách, 01 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 phòng vệ sinh, 01 phòng tắm, 01 phòng để đồ đạc; 01 mái vòm và 01 giếng khoan.

- Buộc chị Nguyễn Thị H thanh toán cho anh Lê Minh T 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng).

- Anh Lê Minh T được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt (21/4/2022), trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng; án phí, quyền kháng cáo của các đương sự, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về kháng cáo.

- Ngày 28/4/2022 bị đơn anh Lê Minh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Anh yêu cầu giao con chung là cháu Lê Hải Tú L cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và giao tài sản chung thửa đất số Lô 04 – Khu B, tờ bản đồ số 00, diện tích: 130 m², địa chỉ tại Thôn I, xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và tài sản trên cho anh và anh đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho chị Nguyễn Thị H.

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không kháng cáo.

4. Về kháng nghị: Bản án không có kháng nghị.

5. Diễn biến Phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện.
- Bị đơn anh Lê Minh T giữ nguyên nội dung kháng cáo, nhưng không cung cấp chứng cứ mới.
- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;
- Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án như sau:
 - + Về chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm đều thực hiện theo đúng quy định.
 - + Về nội dung: Kháng cáo của anh Lê Minh T là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lê Minh T. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

Người kháng cáo trong hạn luật định, đúng phạm vi kháng cáo.

[2] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân Tòa sơ thẩm tuyên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Lê Minh T. Chị H và anh T không kháng cáo về nội dung này nên không xem xét.

- *Xét kháng cáo của anh Lê Minh T về giao cho anh được trực tiếp nuôi con chung:*

Giữa anh và chị Nguyễn Thị H chỉ có 01 người con chung là cháu Lê Hải Tú L, sinh ngày 17/12/2015. Xét điều kiện nuôi con chung thì chị H và anh T đều làm giáo viên, có thu nhập ổn định. Nhưng xét thấy cháu L vẫn còn nhỏ, là con gái rất cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của người mẹ trong quá trình cháu trưởng thành; hiện cháu L đang sinh sống với chị H ổn định từ trước đến nay; anh T không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh chị H không đủ điều kiện nuôi con. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng là có căn cứ. Bởi vậy kháng cáo của anh T về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên không kháng cáo nên không xem xét.

- *Xét kháng cáo của anh Lê Minh T về chia tài sản chung:*

Anh T, chị H chỉ có tài sản chung theo thẩm định và định giá là thửa đất số Lô 04 – Khu B, tờ bản đồ số 00, diện tích: 130 m², địa chỉ tại Thôn I, xã IK, huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận số BV 679638 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai cấp ngày 07/5/2015, (đã được đính chính sang tên anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị H vào ngày 30 tháng 3 năm 2021) có giá trị 250.000.000đ; và tài sản gắn liền với đất là 01 căn nhà xây cấp 4 gồm có 01 phòng khách, 02 phòng ngủ, 01 phòng bếp, 01 phòng vệ sinh, 01 phòng tắm, 01 phòng để đồ đạc, 01 mái vòm lợp tôn, có giá trị 260.000.000đ và 01 giếng khoan trị giá 30.000.000đ. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là: 540.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đến tài sản không thể chia đôi bằng hiện vật; nguồn gốc hình thành tài sản trên là từ quà cưới và vốn vay vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân (nhưng vợ chồng đã thanh toán xong). Công sức đóng góp, gây dựng vào khối tài sản chung của anh T và chị H ngang nhau. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét đến nhu cầu về chỗ ở của các bên và xét chị H là phụ nữ đang nuôi con chưa thành niên rất cần nơi cư trú ổn định để nuôi con chung, bảo đảm sự phát triển toàn diện của cháu L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với nêu trên cho chị H, và chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản được hưởng với số tiền 270.000.000đ là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Lê Minh T. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Minh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1- Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Minh T. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 14/2022/HNGĐ-ST ngày 21/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản chung*” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H với bị đơn là anh Lê Minh T.

2. Anh Lê Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã tạm nộp tại biên lai số: 0006735 ngày 10/05/2022 của Chi cục thi hành án dân sự **huyện Đ**, tỉnh Gia Lai. Anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Dương sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sinh

